TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 954/2018/DS-PT
Ngày: 24-10-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Nguyễn Chí Sang**
2. Bà **Trần Thị Kim Quy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà****:* Bà **Võ Thị Vĩnh Hưng -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9, ngày 03 và ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2018/TLPT - DS ngày 06/07/2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 256/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3211/2018/QĐ – PT, ngày 20/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị Thu A**, sinh năm 1979; (có mặt ngày 14/9/2018 và ngày 03/10/2018; vắng mặt ngày 24/10/2018)
Địa chỉ: 82 đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Vũ Viết B**, sinh năm 1982; (có mặt)
Địa chỉ: 5/10/25 Đường X, Khu phố N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
3.1 Ông **Võ Xuân C**, sinh năm 1971; (có mặt)
Địa chỉ: 82 đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
3.2 Bà **Nguyễn Thị Ánh D**, sinh năm 1987; (xin vắng mặt)
Địa chỉ: 5/10/25 Đường X, Khu phố N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Ông **Vũ Viết B**, sinh năm 1982 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Bùi Thị Thu A trình bày:

Quyền sử dụng đất có diện tích 80 m^2 thuộc thửa 706, tờ bản đồ số 38 tại địa chỉ phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 648257 ngày 28/5/2009 do vợ chồng bà A và ông Võ Xuân C nhận chuyển nhượng từ bà Trần Huỳnh E. Ngày 25/9/2009, Uỷ ban nhân dân quận Z đã cập nhật thay đổi về chủ sử dụng, công nhận bà A và ông C là chủ sử dụng. Diện tích đất của bà A có chiều rộng 4 m, chiều dài 20 m, hiện trạng đất trống. Năm 2013, ông Vũ Viết B, bà Nguyễn Thị Ánh D chủ sử dụng của thửa đất liền kề tiến hành xây dựng nhà ở, đã lấn chiếm diện tích 13,2 m^2 trên 80 m^2 đất của bà nên hiện trạng quyền sử dụng đất của bà A không đủ điều kiện xin phép xây dựng nhà ở. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông B, bà D tháo dỡ hoặc di dời một phần nhà ở xây dựng trên đất của bà, trả lại đất trống để bà sử dụng đất xây dựng nhà ở.

Bị đơn ông Vũ Viết B trình bày:

Vợ chồng ông Vũ Viết B và bà Nguyễn Thị Ánh D là chủ sử dụng thửa đất số 705, tờ bản đồ số 38 tại địa chỉ phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Thửa đất của ông B có diện tích 80 m^2 và liền kề với đất của bà A, ông C, có nguồn gốc do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Bùi Quốc F và bà Phạm Dương Quỳnh G năm 2011. Năm 2013, ông xin giấy phép xây dựng nhà ở và thực hiện theo giấy phép. Khi tiến hành xây dựng ông đã căn cứ ranh giới thửa đất của ông T (là thửa đất liền kề với cạnh phải thửa đất của ông) để xác định mốc giới và xây dựng đúng diện tích đất 80 m^2 (chiều ngang 4 m và chiều dài 20 m). Sau khi ông xây nhà xong thì được bà A thông báo đất của bà A bị thiếu một phần diện tích, ông và bà A đã trao đổi nhưng không thống nhất được hướng giải quyết. Căn nhà được xây dựng đúng trên phần diện tích đất 80 m^2 nên bà A cho rằng ông lấn chiếm đất của bà A là không đúng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân C trình bày:

Ông là chồng của bà Bùi Thị Thu A. Quyền sử dụng đất có diện tích thuộc thửa 706, tờ bản đồ số 38 tại địa chỉ phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng ông. Ông thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu ông B, bà D giao trả quyền sử dụng đất có diện tích 13,2 m^2 cho vợ chồng ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh D trình bày:

Bà là vợ của ông Vũ Viết B, về nguồn gốc tài sản và quá trình sử dụng đúng như ông B đã trình bày. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án số 256/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Thu A về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với ông Vũ Viết B;

Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 13,2 m^2 thuộc một phần thửa 706, tờ bản đồ số 38 tại địa chỉ phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh tại các vị trí được ký hiệu (4), (5) theo bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh ngày 24/8/2017 của Trung tâm đo đạc bản đồ – Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của bà Bùi Thị Thu A, ông Võ Xuân C.

Ông Vũ Viết B, bà Nguyễn Thị Ánh D có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây dựng có diện tích 25,2 m^2 trên quyền sử dụng đất phải giao trả (13,2 m^2) tại các vị trí được ký hiệu (4), (5) theo bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh ngày 23/01/2017 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Bùi Thị Thu A, ông Võ Xuân C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/6/2018, Toà án nhận được đơn kháng cáo đề ngày 11/6/2018 của bị đơn – Ông Vũ Viết B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông B trình bày kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm, do Tòa sơ thẩm không đưa những người chủ đất liền kề tham gia tố tụng. Ông B không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông tháo dỡ nhà vì ông xây dựng nhà trên đúng diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không lấn chiếm đất của nguyên đơn. Từ việc chồng lấn ranh giữa các chủ đất liền kề trước đây nên Ủy ban nhân dân quận Z cấp giấy chứng nhận không đúng với thực tế nên các hộ xây nhà sai lệch vị trí, tọa độ.

Tại cấp phúc thẩm, ông B cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh xác lập ngày 02/10/2018; Văn bản số 3033/CNTĐ ngày 30/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh gửi Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường đo vẽ lại hiện trạng nhà đất của toàn dãy nhà 57A đường X, Khu phố N, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Thu A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân C đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung:

Căn cứ công văn số 5256/UBND-TNMT ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận Z thể hiện tại thời điểm cấp giấy chứng nhận thì hai thửa đất 705 và

706 có vị trí liền kề nhau, không có sự chồng lấn. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ – Sở Tài nguyên môi trường Thành phố lập ngày 24/8/2017 thể hiện thực tế thửa đất số 706 bị thửa đất số 705 lấn chiếm tổng diện tích 13,2m^2. Bị đơn xác nhận khi xây dựng không thỏa thuận ranh đất với nguyên đơn, hiện tại bị đơn xây xong nhưng không thực hiện được hoàn công. Như vậy, Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của ông C, bà A là có căn cứ.

Tuy nhiên, căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí - Xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh xác lập ngày 02/10/2018 và nội dung văn bản số 3033/CNTĐ ngày 30/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Qua kiểm tra các giấy chứng nhận đã cấp cho các hộ liền kề dãy nhà tổ 57A, đường X, Khu phố N, phường Y, quận Z thì Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Z nhận thấy một số giấy chứng nhận đã cấp có chồng lấn về mặt tọa độ góc ranh. Như vậy, để làm rõ việc chồng lấn ranh đất để xác định lại đúng tọa độ cần phải đưa những hộ liền kề thuộc dãy nhà trên tham gia tố tụng nhằm giải quyết triệt để trong cùng vụ án. Cần xem xét bị đơn hoàn trả phần giá trị đất đã lấn chiếm và bồi thường thiệt hại việc làm giảm giá trị toàn bộ diện tích đất của nguyên đơn do diện tích đất bị thu hẹp.

Từ những nhận định trên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại, triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm rõ nguyên nhân chồng lấn ranh giới đất, xác định việc bồi thường đất bị lấn chiếm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xét đánh giá kết quả tranh tụng, tranh luận của đương sự tại phiên tòa, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh D đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn bà Bùi Thị Thu A có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/10/2018. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của ông Vũ Viết B, xét thấy:

[2.1] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 648257; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 648232 ngày 28/5/2009 và văn bản số 5256/UBND-TNMT ngày 28/11/2017 của Uỷ ban nhân dân quận Z thể hiện quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn có nguồn gốc thuộc thửa đất số 660 của chủ sử dụng cũ là ông Huỳnh Quang K. Năm 2009, ông K tách ½ diện tích thửa đất chuyển nhượng cho bà Trần Huỳnh E và ngày 05/9/2009 bà E đã chuyển nhượng lại cho ông Võ Xuân C, bà Bùi Thị Thu A. Diện tích thửa đất còn lại ông K chuyển nhượng cho ông Bùi Quốc F, bà Phạm Dương Quỳnh G.

[2.2] Năm 2011, ông F, bà G chuyển nhượng lại cho ông Vũ Viết B và bà Nguyễn Thị Ánh D. Như vậy, quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn trước đây cùng thuộc thửa số 660, tờ bản đồ 38 với tổng diện tích 160 m^2. Năm 2009, sau khi các bên thực hiện chuyển nhượng, thửa số 660 đã được tách thành hai thửa đất số 705 và 706 riêng biệt, vị trí hai thửa đất liền kề có ranh giới rõ ràng, có diện tích bằng nhau và không có thay đổi về hình dạng, kích thước.

[2.3] Căn cứ bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 24/8/2017 thể hiện phần đất nguyên đơn tranh chấp có diện tích 13,2 m^2, so sánh ranh giới đất hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn thấy rằng diện tích đất bị đơn sử dụng xây dựng nhà ở không lớn hơn 80 m^2, tuy nhiên bị đơn xây dựng nhà không phù hợp với vị trí thửa đất được công nhận, không đúng vị trí, ranh giới thửa đất so với giấy chứng nhận, đã xây dựng nhà trên một phần quyền sử dụng đất của nguyên đơn tại vị trí số (4) và (5) mà không xây dựng trên phần diện tích đất bị đơn được công nhận tại vị trí số (8).

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm bị đơn cho rằng bị đơn không lấn chiếm đất của nguyên đơn. Bị đơn xây nhà trên diện tích đất của bị đơn được công nhận nhưng trên thực tế nhà đất tại bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 05/01/2009 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng địa ốc T; Bản vẽ hiện trạng vị trí, xác định ranh ngày 24/8/2017 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện phần đất nguyên đơn tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 648257 do Uỷ ban nhân dân quận Z cấp ngày 28/5/2009.

[2.5] Mặt khác, tại văn bản số 5256/UBND-TNMT ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân quận Z xác định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận thì hai thửa đất 705 và 706 có vị trí liền kề nhau, không có sự chồng lấn. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố lập ngày 24/8/2017 thể hiện thực tế thửa đất số 706 bị thửa đất số 705 lấn chiếm tổng diện tích 13,2 m^2. Bị đơn xác định chỉ thỏa thuận ranh đất với chủ đất bên phải (đất trống) tiếp giáp đất của bị đơn, còn chủ đất bên trái là đất của nguyên đơn là đất trống (chưa xây dựng), do bị đơn không biết địa chỉ của nguyên đơn nên không thỏa thuận ranh đất được nên đã xây căn nhà kiên cố sai vị trí, không đúng tọa độ lấn sang phần đất của nguyên đơn, dẫn đến căn nhà của bị đơn không hoàn công được. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.6] Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông B xuất trình Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh xác lập ngày 02/10/2018 thể hiện có sự chồng lấn ranh đất giữa giấy chứng nhận đã được cấp và hiện trạng thực tế giữa các dãy đất liền kề tại hẻm tổ 57 A đường X, Khu phố N, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.7] Tại văn bản số 1881/UBND ngày 20/10/2018 của Ủy ban nhân dân phường Y thể hiện: Ủy ban nhân dân Phường nhận thấy có sự chồng lấn ranh đất giữa Giấy chứng nhận đã được cấp và hiện trạng thực tế có sự bất cập, không phù hợp thực tế. Ngày 31/8/2018, Ủy ban nhân dân quận Z có văn bản số 4042/UBND-TNMT gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Z đề nghị Chi nhánh Văn phòng đất đai quận Z kiểm tra hồ sơ lưu trữ, rà soát, áp ranh vị trí các khu đất đã được cấp giấy chứng nhận, hiện trạng sử dụng. Trường hợp có sai ranh sử dụng đất thì đề xuất xử lý theo quy định.

[2.8] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B có yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất với chủ sử dụng đất liền kề. Do đó, xét cần thiết phải đưa chủ đất liền kề tham gia tố tụng để vụ án giải quyết được triệt để.

[2.9] Mặt khác, khi tiến hành xây dựng nhà năm 2013, bị đơn không có biên bản thỏa thuận ranh đất với nguyên đơn và cũng không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đo vẽ hiện trạng vị trí ranh giới đất giữa hai nhà dẫn đến xây dựng căn nhà sai lệch vị trí, không đúng với tọa độ được cấp trong giấy chứng nhận.

Tuy nhiên, căn nhà của bị đơn đã xây dựng một trệt một lầu đúc kiên cố. Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn tháo dỡ nhà trả lại diện tích đất 13,2 m^2 sẽ ảnh hưởng kết cấu toàn bộ căn nhà, không đảm bảo an toàn và cơ quan Thi hành án không thi hành án được.

[2.10] Từ những căn cứ trên, xét cần thiết hủy bản án sơ thẩm, giao về cho Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật. Do tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên cấp sơ thẩm không có lỗi. Khi giải quyết lại vụ án, Toà án cấp sơ thẩm cần đưa những hộ liền kề tham gia tố tụng để giải quyết chung cùng vụ án; cần tiến hành cần trưng cầu giám định xây dựng đối với căn nhà bị đơn. Trong trrường hợp buộc phải tháo dỡ trả lại diện tích 13,2m^2 cho nguyên đơn mà có ảnh hưởng đến kết cấu toàn bộ căn nhà bị đơn, nếu lỗi hoàn toàn do bị đơn thì Tòa sơ thẩm cần tuyên buộc bị đơn trả giá trị quyền sử dụng đất bị đơn lấn chiếm theo giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Đồng thời, buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại do diện tích đất của nguyên đơn bị thu hẹp làm giảm giá trị toàn bộ diện tích đất của nguyên đơn. Mặt khác, bị đơn có quyền yêu cầu chủ sử dụng đất liền kề khác bồi thường thiệt hại nếu có sự chồng lấn đất của bị đơn. Cần có văn bản hỏi Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh trong trường hợp bị đơn bồi thường bằng giá trị cho nguyên đơn thì cơ quan có thẩm quyền có thực hiện việc hoàn công nhà đất cho bị đơn được không.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến diện tích nhà đất tranh chấp, thu thập chứng cứ liên quan đến việc có hay không việc chồng lấn ranh giới đất, diện tích đất tranh chấp trên, xác định việc bồi thường diện tích đất lấn chiếm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Viết Hồng;

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 256/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Giao toàn bộ hồ sơ thụ lý số 303/DSPT ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Vũ Viết B số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông B đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2017/0038996 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN**	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Chí Sang	**Trần Thị Kim Quy**	**Nguyễn Thị Thu Hằng**

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Thủ Đức, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (T 17).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng